

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 - 7 - 2017  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Lộc và bà Phạm Hồng Ân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2016/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2016, về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Mỹ Nh, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã TH, huyện P, tỉnh Cà Mau

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn Kh, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã TH, huyện P, tỉnh Cà Mau

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3.2 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3.3 Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TQA, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3.4 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã TH, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2016, cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Mỹ Nh trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2004, bà (Nguyễn Mỹ Nh) và ông Phan Văn Kh chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn cụ thể về kinh tế gia đình, sự việc kéo dài. Cả hai không hòa hợp trong lối sống, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Bà và ông Kh không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung, không thể hòa giải hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn Kh.

Về con chung: Có 02 người là Phan Khả Q (giới tính nữ) sinh ngày 16 tháng 5 năm 2006 và Phan Công D (giới tính nam) sinh ngày 30 tháng 4 năm 2011. Hiện con chung đang chung sống cùng với bà Nh. Bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, quá trình hòa giải bà Nh yêu cầu ông Kh cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/ tháng, sau đó thay đổi yêu cầu là không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà Nh yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi 02 người con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, có những khoản nợ và yêu cầu như sau:

Vào tháng 11 năm 2013, bà Nh có nhờ bà Nguyễn Hồng Đ (chị ruột của bà) vay dùm (vay của bà Nguyễn Thị L) số tiền là 68.000.000 đồng; tháng 7 năm 2014 bà Nh nhờ bà Đ vay tiếp tục số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền vay vợ chồng bà Nh sử dụng nuôi tôm công nghiệp. Việc nuôi tôm công nghiệp trên đất của gia đình bên chồng bà Nh từ năm 2013. Hùn vốn nuôi tôm với gia đình bên chồng bà Nh, ông Kh là người trực tiếp nuôi. Kết quả nuôi bị thua lỗ, mỗi năm nuôi khoảng 2 đến 3 vụ. Bắt đầu việc nuôi tôm công nghiệp từ năm 2013 đến năm 2015 chỉ trúng tôm được 01 lần, các lần còn lại đều thua lỗ. Các lần nuôi tôm bà Nh và ông Kh bỏ tiền ra nhiều hơn, cha mẹ chồng cũng có bỏ vốn nhưng ít hơn. Năm 2015, cải tạo ao đầm, hiện tại gia đình ông Kh vẫn còn nuôi tôm công nghiệp. Chi phí sinh hoạt, chi tiêu gia đình là từ việc nuôi tôm, bà Nh thì may quần áo kiếm thêm thu nhập. Như vậy, nợ của bà Đ số tiền nợ vay tổng cộng là 168.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng bà nhận trực tiếp từ bà Đ tại nhà mẹ ruột bà là bà Nguyễn Thị D, việc giao nhận tiền không có làm biên nhận, giấy tờ do là chị em ruột.

Vào năm 2014 (không nhớ ngày tháng) bà có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị D vay dùm số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng, nộp lãi cho bà D. Vào năm 2015 (không nhớ ngày tháng), bà có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị D hỏi tiếp số tiền 30.000.000 đồng, nhờ vay tiền Ngân hàng, số tiền lãi Ngân hàng do bà D nộp lãi. Từ khi vay đến nay chưa trả. Tổng số tiền nhờ bà D hỏi vay là 50.000.000 đồng. Số tiền sử dụng vào việc cải tạo ao đầm, nuôi tôm công nghiệp. Số tiền này vợ chồng nhận trực tiếp từ bà D. Khi vay không có làm biên nhận, giấy tờ do là mẹ con.

Vào tháng 4 năm 2015, vợ chồng bà có vay của Bà Nguyễn Thị M 01 (một) lượng vàng 24K, lãi suất mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng. Từ tháng 11 năm 2015 không còn khả năng đóng lãi. Số vàng vay sử dụng vào việc nuôi tôm công nghiệp. Số vàng là do ông Kh trực tiếp hỏi vay, bà là người trực tiếp nhận vàng và viết biên nhận.

Như vậy, toàn bộ các khoản nợ chung số tiền là 218.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K. Trong quá trình khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi toàn bộ nợ chung. Tại biên bản hòa

giải ngày 21 tháng 6 năm 2017 bà thống nhất nhận trả toàn bộ số tiền là 218.000.000 đồng, đối với số vàng nợ bà M bà thống nhất nhận trả 05 chỉ vàng 24K, phần còn lại 05 chỉ vàng 24K bà yêu cầu ông Kh có trách nhiệm trả cho bà M. Tại phiên tòa, bà yêu cầu ông Kh chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho bà M do bà phải nuôi con, hoàn cảnh quá khó khăn. Về phần lãi suất bà Nh cho rằng trước đây bà đã nộp cho bà M là vượt quá quy định của pháp luật nên bà yêu cầu điều chỉnh lãi suất.

*Tại các biên bản hòa giải ngày 15 tháng 9 năm 2016, ngày 29 tháng 3 năm 2017 và ngày 21 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa, ông Phan Văn Kh trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Mỹ Nh về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn thì đúng là mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Ông và bà Nh không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay. Mâu thuẫn không được hòa giải hàn gắn. Nay bà Nh cương quyết ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng là có 02 người con chung như bà Nh trình bày. Hiện tại con chung đang do bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao hai người con chung cho bà Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại làm ăn thất bại, không nơi ở ổn định, kinh tế gặp nhiều khó khăn.

Về tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đối với 02 khoản nợ của bà Nguyễn Hồng Đ và bà Nguyễn Thị D như bà Nh trình bày là không có, do bà Nh tự kê khai, ông hoàn toàn không biết. Ông có nuôi tôm công nghiệp từ năm 2013, đến năm 2015 thì không còn nuôi. Mỗi năm nuôi 02 vụ, tất cả các vụ nuôi chỉ lời 01 vụ, còn lại đều thua lỗ. Các lần nuôi tôm thì cha mẹ ông là người bỏ tiền ra cho ông nuôi, có lãi thì chia. Đối với khoản nợ bà M ông có biết, ông đồng ý trả cho bà M 05 chỉ vàng 24K như thỏa thuận trong quá trình hòa giải. Tại phiên tòa, bà Nh yêu cầu ông trả toàn bộ là 01 lượng vàng 24K thì ông không đồng ý.

*Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 9 năm 2016, Bà Nguyễn Hồng Đ trình bày:*

Vào năm 2013 (không nhớ ngày tháng), vợ chồng bà Nguyễn Mỹ Nh, Phan Văn Kh có nhờ bà vay dùm cho vợ chồng bà Nh số tiền là 68.000.0000 đồng (lãi suất theo thỏa thuận là vay 100.000.000 đồng thì mỗi tháng đóng lãi 4.000.000 đồng), lãi suất mỗi tháng là 2.800.000 đồng, bà giao tiền trực tiếp cho bà Nh, đối với lãi suất đóng đầy đủ. Ngày 06 tháng 7 năm 2014 (âm lịch), bà có vay dùm cho bà Nh và ông Kh số tiền là 100.000.000 đồng, bà giao trực tiếp cho vợ chồng bà Nh. Số tiền này vợ chồng bà Nh, ông Kh sử dụng vào nuôi tôm công nghiệp. Như vậy, tổng cộng bà Nh và ông Kh nhờ bà vay hai lần tiền tổng cộng là 168.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền không có làm biên nhận, giấy tờ gì do là chị em ruột. Số tiền này vợ chồng bà Nh nhờ bà vay dùm của bà Nguyễn Thị L để đưa cho vợ chồng bà Nh. Bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Mỹ Nh, ông Phan Văn Kh phải trả lại cho bà để bà trả cho bà Nguyễn Thị L.

*Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 9 năm 2016, bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Trước đây Bà Nguyễn Hồng Đ có vay tiền của bà hai lần tổng cộng là 168.000.000 đồng. Việc bà Đ vay bà Đ có viết giấy nợ. Bà và bà Đ tự thỏa thuận thanh toán, khi nào bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán bà sẽ khởi kiện. Hiện tại bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này. Do điều kiện đi lại khó khăn và công việc gia đình nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2017, bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Vào tháng 02 năm 2015, bà Nguyễn Mỹ Nh có hỏi vay hai lần vàng là 01 lượng vàng 24K, lãi thỏa thuận mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Khi nhận vàng bà Nh có viết giấy nợ, bà Nh đóng lãi cho bà được 03 tháng với số tiền là 6.000.000 đồng. Sau đó bà Nh có đóng thêm hai, ba lần cho bà với tổng số tiền là 400.000 đồng. Như vậy, bà Nh đóng lãi tổng cộng là 6.400.000 đồng. Việc vay vàng, bà nghe bà Nh nói dùng vào việc mua vải để may đồ bán lại. Bà yêu cầu bà Nh trả lại cho bà 01 lượng vàng 24K. Quá trình hòa giải, bà Nh và ông Kh thống nhất mỗi người trả 05 chỉ vàng 24K bà đồng ý. Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu là bà yêu cầu bà Nh trả cho bà 01 lượng vàng 24K, không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Nguyễn Thị D không cung cấp lời khai, chứng cứ trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Mỹ Nh khởi kiện ly hôn với ông Phan Văn Kh đồng thời yêu cầu ông Kh chịu trách trả toàn bộ 10 chỉ vàng cho Bà Nguyễn Thị M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Hồng Đ vắng mặt. Bà L có yêu cầu được vắng mặt, bà Đ và bà D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu đã chứng minh bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Hồng Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L, bà D và bà Đ là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, bà Nh và ông Kh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của bà Nh và ông Kh là hôn nhân không hợp pháp do đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, bà Nh và ông Kh không được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, bà Nh và ông Kh thống nhất cho rằng xuất phát từ kinh tế gia đình. Gia đình hai bên có hạn gắn hòa giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Bà Nh yêu cầu ly hôn, ông Kh đồng ý ly hôn. Từ đó, xét thấy việc không công nhận bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh là vợ chồng phù hợp với thực tế.

[4]. Về con chung: Có 02 người là Phan Khả Q (giới tính nữ) sinh ngày 16 tháng 5 năm 2006 và Phan Công D (giới tính nam) sinh ngày 30 tháng 4 năm 2011. Hiện con chung đang chung sống cùng với bà Nh. Tại phiên tòa, bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, đồng thời yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông Kh thống nhất giao 02 người con chung cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng, ông Kh không đồng ý cấp dưỡng vì cho rằng điều kiện kinh tế khó khăn, không có nơi ở ổn định. Đồng thời, bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, cháu Phan Khả Q có nguyện vọng được sống chung với bà Nh. Hoàn cảnh hiện tại mặc dù có khó khăn nhưng bà Nh cho rằng đang thuê nhà có nơi ở ổn định, về phía ông Kh cho rằng hiện tại ông không có nơi ở ổn định nên không có điều kiện nuôi con, hoàn cảnh khó khăn nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà Nh. Vì vậy, việc giao con chung cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên để đảm bảo về điều kiện nuôi con, ông Kh không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng được tính theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng cho hai người con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Kh có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung: Bà Nh và ông Kh thống nhất xác định không có tài sản chung, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung, tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2016 bà Nh cho rằng bà và ông Kh có nhờ bà Nguyễn Hồng Đ là chị ruột bà Nh hỏi vay dùm hai lần tiền của bà Nguyễn Thị L cụ thể là vào tháng 11 năm 2013 bà Nguyễn Hồng Đ vay dùm số tiền là 68.000.000 đồng và tháng 7 năm 2014 nhờ bà Đ vay tiếp tục số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, nợ tổng cộng hai khoản nợ là 168.000.000 đồng. Vào năm 2014 (không nhớ ngày tháng), bà Nh có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị D hỏi dùm số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng, đóng cho bà D. Vào năm 2015 (không nhớ ngày tháng), bà Nh có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị D hỏi tiếp số tiền 30.000.000 đồng, nhờ vay tiền Ngân hàng, số tiền lãi Ngân hàng do bà D đóng lãi. Từ khi vay đến nay chưa trả. Tổng số tiền nhờ bà D hỏi vay là 50.000.000 đồng. Vào tháng 4 năm 2015, vợ chồng bà Nh có vay của bà Nguyễn Thị M 01 (một) lượng vàng 24K, lãi suất mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, từ tháng 11 năm 2015 không còn đóng lãi nữa. Số nợ này sử dụng vào mục đích nuôi tôm công nghiệp. Số vàng do ông Kh trực tiếp hỏi vay, bà Nh là người trực tiếp nhận vàng. Việc hỏi vay bà Nh có viết giấy tay giao cho bà M. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác. Như vậy, bà Nh cho rằng toàn bộ các khoản nợ chung số tiền là 218.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K. Trong quá trình khởi kiện, bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi toàn bộ nợ chung. Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2017, bà Nh thống nhất nhận trả toàn bộ số tiền là 218.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình Tòa án mời hòa giải, bà Đ cho rằng số tiền 168.000.000 đồng vợ chồng bà Nh nhờ bà vay dùm của bà Nguyễn Thị L để đưa cho vợ chồng bà Nh. Số tiền này bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Mỹ Nh, ông Phan Văn Kh phải trả lại cho bà để bà trả cho bà Nguyễn Thị L. Trong quá trình hòa giải, Tòa án ấn định cho bà thời hạn làm đơn khởi kiện nhưng bà Đ không thực hiện nên không đặt ra xem xét trong vụ án này. Bà Nguyễn Thị L cho rằng trước đây bà Nguyễn Hồng Đ có nợ bà hai lần tiền vay tổng cộng là 168.000.000 đồng. Việc bà Đ hỏi vay có làm giấy nợ. Số nợ này để bà L và bà Đ tự thỏa thuận thanh toán. Khi nào bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán bà L sẽ khởi kiện sau, hiện tại không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với những khoản nợ của bà Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị D và bà Nh thống nhất nhận trả toàn bộ, không yêu cầu ông Kh có trách nhiệm trả, do bà Đ, bà D không khởi kiện đối với bà Nh nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[7]. Riêng đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị M là 10 chỉ vàng 24K, tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2017 bà M yêu cầu bà Nh có trách nhiệm trả toàn bộ, tuy nhiên do bà Nh và ông Kh tự nguyện thỏa thuận mỗi người trả cho bà M 05 chỉ vàng 24K nên bà M thống nhất việc thỏa thuận này. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Nh yêu cầu ông Kh có trách nhiệm trả toàn bộ, bà M yêu cầu bà Nh có trách nhiệm trả toàn bộ (số vàng 10 chỉ vàng 24K). Bà M cho rằng quá trình hỏi vay vàng, lúc đầu ông Kh là người trực tiếp hỏi vay nhưng do không tin tưởng ông Kh nên bà không giao vàng, bà Nh hỏi vay bà M mới giao. Việc này được ông Kh, bà Nh thừa nhận, khi giao nhận vàng bà M giao trực tiếp cho bà Nh đồng thời bà Nh có viết biên nhận giao cho bà giữ. Bà M thừa nhận cho vay vàng có thỏa thuận lãi suất là 01 lượng vàng 24K lãi suất mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay chưa trả vàng vốn, về lãi suất bà Nh đóng được nhiều lần tổng cộng là 6.400.000 đồng. Bà Nh yêu cầu ông Kh chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho bà M là không có cơ sở bởi tại phiên tòa bà Nh cho rằng việc vay vàng

dùng vào việc mua vải để may quần áo bán lại. Ngoài ra, quá trình vay vàng bà Nh là người trực tiếp nhận vàng và viết biên nhận. Ông Kh đồng ý trả  $\frac{1}{2}$  số vàng nợ là 05 chỉ vàng 24K cho bà M. Do đó, yêu cầu của bà Nh là không có căn cứ để chấp nhận mà có đủ căn cứ buộc bà Nh, ông Kh mỗi người trả cho bà M là 05 chỉ vàng 24K. Việc bà Nh yêu cầu điều chỉnh lãi suất đối với số tiền đã nộp lãi cho bà M có căn cứ để xem xét. Bởi theo quy định của Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của các tổ chức tín dụng nên không áp dụng tính lãi suất đối với vàng cho vay. Đối với số tiền nộp lãi mà bà Nh đã nộp cho bà M được bà M thừa nhận tổng cộng là 6.400.000 đồng cần phải điều chỉnh cho phù hợp. Số tiền này được quy đổi thành vàng là 01 chỉ 09 phân 0,55 li vàng 24K (vàng 24K tại thời điểm xét xử được tính là 3.358.700 đồng/01 chỉ). Như vậy, đối trừ số vàng vốn của bà M, bà Nh và ông Kh còn nợ lại là 08 chỉ 0,95 li vàng 24K. Vì vậy, có đủ căn cứ buộc bà Nh và ông Kh mỗi người trả cho bà M là 04 chỉ 0,475 li vàng 24K.

[8]. Đối với bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử bà D vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ đối với khoản nợ bà Nh, ông Kh nợ của bà nên không đặt ra xử lý.

[9]. Bà Nguyễn Mỹ Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Văn Kh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch, bà Nguyễn Mỹ Nh, ông Phan Văn Kh phải nộp tương ứng với số vàng phải trả cho bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Phan Khả Q (giới tính nữ) sinh ngày 16 tháng 5 năm 2006, Phan Công D (giới tính nam) sinh ngày 30 tháng 4 năm 2011 cho bà Nguyễn Mỹ Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Phan Văn Kh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000 đồng/01 người con chung (1.300.000 đồng/01 tháng/02 người con). Buộc cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi Phan Khả Q và Phan Công D đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 7 năm 2017).

Ông Phan Văn Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về nợ chung:

3.1 Chấp nhận một phần yêu cầu của Bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh trả 08 chỉ 0,95 li vàng 24K. Buộc bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh mỗi người trả cho bà Nguyễn Thị M 04 chỉ 05 li vàng 24K.

3.2 Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh trả 01 chỉ 09 phân 0,55 li vàng 24K.

#### 4. Về án phí:

4.1 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Mỹ Nh phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Mỹ Nh đã nộp tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09398, ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

4.2 Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phan Văn Kh phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

#### 4.3 Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

4.3.1 Bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh mỗi người phải chịu là 684.335 đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng). Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.358.700 đồng/01 chỉ (bà Nguyễn Mỹ Nh và ông Phan Văn Kh chưa nộp).

4.3.2 Bà Nguyễn Thị M phải chịu là 320.000 đồng (ba trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng số tiền là 825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006293, ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Đối trừ, bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền 505.000 đồng (năm trăm lẻ năm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân  
(khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ.

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thành Phước**